

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ thỏa thuận và quyết định của tất cả thành viên hợp danh;

Chúng tôi, gồm những thành viên có tên như sau:

.....
.....

cùng đồng ý và ký tên chấp thuận dưới đây thành lập hoạt động tuân theo luật pháp Việt Nam và các điều khoản sau đây của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Phạm vi trách nhiệm

- 1.1. Thành viên hợp danh là những cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của Công ty;
- 1.2. Nếu Công ty có các thành viên góp vốn, thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2: Tên Công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

.....

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài

.....

- Tên công ty viết tắt:

Điều 3: Trụ sở chính và địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện

- Trụ sở chính của Công ty:,,,
- Điện thoại: Fax:
- Email: Website:

Địa chỉ trụ sở Công ty có thể thay đổi khi có quyết định bằng văn bản của tập thể các thành viên và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 10 ngày sau khi thực hiện việc thay đổi.

- Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

.....
.....

Điều 4: Ngành nghề kinh doanh

.....
.....

Công ty có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 5: Thời hạn hoạt động

Công ty có tư cách pháp nhân và thời gian hoạt động của Công ty là năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có thể giải thể trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 6: Quản lý sử dụng và lưu giữ con dấu

6.1. Số lượng và hình thức con dấu:

- Công ty sử dụng: con dấu;
- Hình thức con dấu:

6.2. Sử dụng và lưu giữ con dấu:

- Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc có giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu;

- Thành viên hợp danh điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN – THÀNH VIÊN

Điều 7: Vốn điều lệ

7.1. Vốn điều lệ của Công ty là: đồng

(Ghi bằng chữ:)

Trong đó:

- Tiền Việt Nam:
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:
- Vàng:
- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, quyền tác giả, sở hữu trí tuệ:
- Tài sản khác:

Do các thành viên sau đây đóng góp:

.....

7.2. Tài sản của Công ty bao gồm:

- Tài sản góp vốn của các thành viên đã được chuyển quyền sở hữu cho Công ty.
- Tài sản tạo lập được mang tên Công ty.
- Tài sản thu được từ hoạt động kinh doanh do các thành viên hợp danh thực hiện nhân danh Công ty và từ các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty do các thành viên hợp danh nhân danh cá nhân thực hiện.
- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Việc góp vốn của các thành viên

8.1. Thành viên hợp danh và thành viên góp vốn phải góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết.

8.2. Thành viên hợp danh không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết gây thiệt hại cho Công ty, phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty.

8.3. Trường hợp có thành viên góp vốn không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp đủ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với Công ty; trong trường hợp này, thành viên góp vốn có liên quan có thể bị khai trừ khỏi Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 9: Giấy chứng nhận góp vốn của các thành viên

9.1. Tại thời điểm góp đủ vốn như đã cam kết, thành viên được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Vốn điều lệ của Công ty;
- c) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên; loại thành viên;
- d) Giá trị phần vốn góp và loại tài sản góp vốn của thành viên;
- đ) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
- e) Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp;
- g) Họ tên, chữ ký của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp và của các thành viên hợp danh của Công ty.

9.2. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được Công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 10: Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

10.1. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:

- a) Tăng vốn góp của thành viên;
- b) Điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của Công ty;
- c) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.

10.2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc tiếp nhận thêm thành viên phải được sự nhất trí của các thành viên và quyền quyết định được biểu quyết tại Hội đồng thành viên.

10.3. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của Công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký kinh doanh; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

b) Mua lại phần vốn góp được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của thành viên Công ty theo quy định sau đây:

- Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong Công ty với cùng điều kiện.

- Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của Công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chào bán.

c) Điều chỉnh giảm mức vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của Công ty.

10.4. Công ty đăng ký việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Hội đồng thành viên. Công ty thực hiện việc thông báo thay đổi theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

Điều 11: Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp danh

11.1. Thành viên hợp danh có quyền:

a) Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề của Công ty; mỗi thành viên hợp danh có một phiếu biểu quyết.

- b) Nhân danh Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đàm phán và ký kết hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao ước với những điều kiện mà thành viên hợp danh đó cho là có lợi nhất cho Công ty;
- c) Sử dụng con dấu, tài sản của Công ty để hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; nếu ứng trước tiền của mình để thực hiện công việc kinh doanh của Công ty thì có quyền yêu cầu Công ty hoàn trả lại cả số tiền gốc và lãi theo lãi suất thị trường trên số tiền gốc đã ứng trước;
- d) Yêu cầu Công ty bù đắp thiệt hại từ hoạt động kinh doanh trong thẩm quyền nếu thiệt hại đó xảy ra không phải do sai sót cá nhân của chính thành viên đó;
- e) Yêu cầu Công ty, thành viên hợp danh khác cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty; kiểm tra tài sản, sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết;
- f) Được chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được chia một phần giá trị tài sản còn lại theo tỷ lệ góp vốn vào Công ty
- h) Trường hợp thành viên hợp danh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế của thành viên được hưởng phần giá trị tài sản tại Công ty sau khi đã trừ đi phần nợ thuộc trách nhiệm của thành viên đó. Người thừa kế có thể trở thành thành viên hợp danh nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;
- i) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

11.2. Thành viên hợp danh có nghĩa vụ:

- a) Tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và tất cả thành viên;
- b) Tiến hành quản lý và hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên; nếu làm trái quy định tại điểm này, gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại;
- c) Không được sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản đã nhận và bồi thường thiệt hại gây ra đối với Công ty trong trường hợp nhân danh Công ty, nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để nhận tiền hoặc tài sản khác từ hoạt động kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký của Công ty mà không đem nộp cho Công ty;

- e) Liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của Công ty nếu tài sản của Công ty không đủ để trang trải số nợ của Công ty;
- f) Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào Công ty trong trường hợp Công ty kinh doanh bị lỗ;
- g) Định kỳ hàng tháng báo cáo trung thực, chính xác bằng văn bản tình hình và kết quả kinh doanh của mình với Công ty; cung cấp thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của mình cho thành viên có yêu cầu;
- h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty

Điều 12: Hạn chế đối với quyền thành viên hợp danh

- 12.1. Thành viên hợp danh không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác, trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.
- 12.2. Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 12.3. Thành viên hợp danh không được quyền chuyển một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác nếu không được sự chấp thuận của các thành viên hợp danh còn lại.

Điều 13: Quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn

13.1. Thành viên góp vốn có quyền:

- a) Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn, về tổ chức lại và giải thể Công ty và các nội dung khác của Điều lệ Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ;
- b) Được chia lợi nhuận hằng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ Công ty;
- c) Được cung cấp báo cáo tài chính hằng năm của Công ty; có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty; xem xét sổ kế toán, sổ biên bản, hợp đồng, giao dịch, hồ sơ và tài liệu khác của Công ty;
- d) Chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác;

- e) Nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác tiến hành kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký của Công ty;
- g) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; trường hợp chết hoặc bị Toà tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành thành viên góp vốn của Công ty;
- h) Được chia một phần giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ Công ty khi Công ty giải thể hoặc phá sản;
- i) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty

13.2. Thành viên góp vốn có nghĩa vụ:

- a) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp;
- b) Không được tham gia quản lý Công ty, không được tiến hành công việc kinh doanh nhân danh Công ty;
- c) Tuân thủ Điều lệ, nội quy Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 14: Hội đồng thành viên

- 14.1. Tất cả thành viên hợp lại thành Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty.
- 14.2. Thành viên hợp danh có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để thảo luận và quyết định công việc kinh doanh của Công ty. Thành viên yêu cầu triệu tập họp phải chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu họp.
- 14.3. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Hội đồng thành viên quyết định tất cả các công việc kinh doanh của Công ty. Khi biểu quyết, mỗi thành viên hợp danh có một phiếu biểu quyết. Các thành viên hợp danh có quyền ngang nhau khi quyết định các vấn đề quản lý Công ty.

Khi Hội đồng thành viên quyết định các vấn đề sau đây thì phải được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hợp danh chấp thuận:

- a) Phương hướng phát triển Công ty;
- b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- c) Tiếp nhận thêm thành viên hợp danh mới;
- d) Chấp nhận thành viên hợp danh rút khỏi Công ty hoặc quyết định khai trừ thành viên;
- đ) Quyết định dự án đầu tư;
- e) Quyết định việc vay và huy động vốn dưới hình thức khác, cho vay với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của Công ty;
- g) Quyết định mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn vốn điều lệ của Công ty;
- h) Quyết định thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổng số lợi nhuận được chia và số lợi nhuận chia cho từng thành viên;
- i) Quyết định giải thể Công ty.

14.4. Quyết định về các vấn đề khác không quy định tại Khoản 14.3 Điều này được thông qua nếu được ít nhất hai phần ba tổng số thành viên hợp danh chấp thuận;

14.5. Quyền tham gia biểu quyết của thành viên góp vốn được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và quy định tại Điểm a, Khoản 12.1, Điều 12 Điều lệ Công ty 14.6. Thành viên hợp danh chủ động thực hiện công việc được phân công nhằm đạt được mục tiêu của Công ty; đại diện cho Công ty trong đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện các công việc được giao; đại diện cho Công ty trước pháp luật và cơ quan Nhà nước trong phạm vi công việc được phân công.

14.7. Khi nhân danh Công ty thực hiện các công việc được giao, thành viên hợp danh phải làm việc một cách trung thực, không trái với các quyết định của Hội đồng thành viên, không vi phạm các điều cấm hoặc hạn chế theo quy định của pháp luật.

14.8. Các thành viên hợp danh có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó.

14.9. Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty.

14.10. Khi một số hoặc tất cả thành viên hợp danh cùng thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số. Hoạt động do thành viên hợp

danh thực hiện ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận.

14.11. Công ty có thể mở một hoặc một số tài khoản tại ngân hàng. Hội đồng thành viên chỉ định thành viên được ủy quyền gửi và rút tiền từ các tài khoản đó.

Điều 15: Triệu tập họp Hội đồng thành viên

15.1. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể triệu tập họp Hội đồng thành viên khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của thành viên hợp danh. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp theo yêu cầu của thành viên hợp danh thì thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.

15.2. Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử khác. Thông báo mời họp phải nêu rõ mục đích, yêu cầu và nội dung họp, chương trình và địa điểm họp, tên thành viên yêu cầu triệu tập họp.

Các tài liệu thảo luận được sử dụng để quyết định các vấn đề sau phải được gửi trước đến tất cả các thành viên, thời hạn gửi trước do Điều lệ công ty quy định.

- Phương hướng phát triển công ty;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Tiếp nhận thêm thành viên hợp danh mới;
- Chấp nhận thành viên hợp danh rút khỏi công ty hoặc quyết định khai trừ thành viên;
- Quyết định dự án đầu tư;
- Quyết định việc vay và huy động vốn dưới hình thức khác, cho vay với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty;
- Quyết định mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn vốn điều lệ của công ty;
- Quyết định thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổng số lợi nhuận, được chia và số lợi nhuận chia cho từng thành viên;
- Quyết định giải thể công ty.

15.3. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên yêu cầu triệu tập họp chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên chủ tọa, thành viên dự họp;
- Các ý kiến của thành viên dự họp;
- Các nghị quyết được thông qua, số thành viên tán thành và nội dung cơ bản của các nghị quyết đó;
- Họ, tên, chữ ký của các thành viên dự họp.

Điều 16: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc)

16.1. Trong quá trình hoạt động, các thành viên hợp danh đều có thể hành động nhân danh Công ty và liên đới chịu trách nhiệm vô hạn với Công ty. Các thành viên hợp danh phân công đảm nhiệm các chức trách quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty và cử một người trong số các thành viên làm Giám đốc (hoặc Tổng Giám đốc).

16.2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty với tư cách là thành viên hợp danh;
- b) Triệu tập và tổ chức họp Hội đồng thành viên; ký các quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên;
- c) Phân công, phối hợp công việc kinh doanh giữa các thành viên hợp danh; ban hành các quyết định về quy chế, nội quy và các công việc tổ chức nội bộ khác của Công ty;
- d) Tổ chức sắp xếp, lưu giữ đầy đủ và trung thực sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- đ) Đại diện cho Công ty trong quan hệ với cơ quan nhà nước; đại diện cho Công ty với tư cách là bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ kiện, tranh chấp thương mại hoặc các tranh chấp khác;
- e) Các nghĩa vụ khác.

Điều 17: Tiếp nhận thành viên

17.1. Công ty có thể tiếp nhận thêm thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn; việc tiếp nhận thành viên mới của Công ty phải được Hội đồng thành viên chấp thuận.

17.2. Thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn phải nộp đủ số vốn cam kết góp vào Công ty trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng thành viên quyết định thời hạn khác.

17.3. Thành viên hợp danh mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thoả thuận khác

Điều 18. Chấm dứt tư cách thành viên hợp danh

18.1. Tư cách thành viên hợp danh chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự nguyện rút vốn khỏi Công ty;
- b) Chết hoặc bị Toà án tuyên bố là đã chết;
- c) Bị Toà án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- d) Bị khai trừ khỏi Công ty;
- đ) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

18.2. Thành viên hợp danh có quyền rút vốn khỏi Công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên muốn rút vốn khỏi Công ty phải thông báo bằng văn bản yêu cầu rút vốn chậm nhất sáu tháng trước ngày rút vốn; chỉ được rút vốn vào thời điểm kết thúc năm tài chính và báo cáo tài chính của năm tài chính đó đã được thông qua.

Việc chuyển nhượng phần vốn góp (hoặc rút vốn) của thành viên góp vốn cho người khác được tự do thực hiện hoặc theo nguyên tắc được quy định tại Điều lệ này.

18.3. Thành viên hợp danh bị khai trừ khỏi Công ty trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có khả năng góp vốn hoặc không góp vốn như đã cam kết sau khi Công ty đã có yêu cầu lần thứ hai;
- b) Vi phạm quy định về hạn chế quyền đối với thành viên hợp danh và nghĩa vụ thành viên hợp danh được quy định tại Điều lệ này;
- c) Tiến hành công việc kinh doanh không trung thực, không cần trọng hoặc có hành vi không thích hợp khác gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty và các thành viên khác;
- d) Không thực hiện đúng các nghĩa vụ của thành viên hợp danh.

18.4. Trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên của thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì phần vốn góp của thành viên đó được hoàn trả công bằng và thoả đáng.

18.5. Trong thời hạn hai năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại Khoản 18.1 và Khoản 18.3 Điều này thì người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của Công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.

18.6. Sau khi chấm dứt tư cách thành viên, nếu tên của thành viên bị chấm dứt đã được sử dụng làm thành một phần hoặc toàn bộ tên Công ty thì người đó hoặc người thừa kế, người đại diện theo pháp luật của họ có quyền yêu cầu Công ty chấm dứt việc sử dụng tên đó.

CHƯƠNG IV

THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ KINH DOANH

Điều 19: Năm tài chính

19.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

19.2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 20: Kế toán, thống kê

20.1. Công ty có nhiệm vụ mở đầy đủ sổ sách kế toán của Công ty và giữ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

20.2. Cuối mỗi năm tài chính, Giám đốc (Tổng giám đốc) sẽ lập Báo cáo tài để trình cho Hội đồng thành viên xem xét ít nhất là ngày trước Hội nghị thành viên hàng năm.

20.3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 21: Quyết toán, phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh

21.1. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các thành viên khi Công ty kinh doanh có lãi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi chia lợi nhuận Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả.

21.2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lập quỹ dự trữ bắt buộc và thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn phải trả, lợi nhuận sẽ được phân bổ như sau :

a) Quỹ dự trữ bắt buộc:%

b) Quỹ phúc lợi tập thể:%

c) Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh:%

d) Quỹ khen thưởng:%

21.3. Sau khi đã trích lập các quỹ và thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn phải trả, Hội đồng sẽ quyết định việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp. Các khoản lỗ trong kinh doanh cũng sẽ được chia sẻ cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

21.4. Nếu như Công ty chuyển lỗ từ năm trước sang thì lợi nhuận của năm hiện tại trước hết sẽ được dùng để trang trải phần lỗ đó. Theo nghị quyết của Hội đồng, các khoản lợi nhuận được Công ty giữ lại do được chuyển từ các năm trước qua có thể được phân chia cùng với các khoản lợi nhuận có thể chia của năm hiện tại.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 22: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi

22.1. Công ty có thể chia thành một số công ty cùng loại, chuyển một phần tài sản của Công ty hiện có để thành lập một số công ty cùng loại, hợp nhất với một hoặc một số công ty cùng loại thành một công ty mới, sáp nhập vào một công ty khác theo Quyết định của Hội đồng thành viên.

22.2. Nội dung quyết định của Hội đồng thành viên và việc thực hiện các thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi thực hiện theo quy định tại các điều từ 198 đến 202 của Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 23: Giải thể và thanh lý tài sản của Công ty

23.1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
- Theo quyết định của Hội đồng thành viên Công ty.
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu là 02 thành viên hợp danh theo quy định trong thời hạn sáu tháng liên tục.
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

23.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

23.3. Trình tự, thủ tục giải thể áp dụng theo quy định của các điều 207 đến 211 Luật doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 24: Phá sản Công ty

24.1. Khi Công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại thời điểm tổng giá trị các tài sản còn lại của Công ty không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn thì Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

24.2. Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà Công ty vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Giám đốc phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng thành viên. Giám đốc hoặc Chủ tịch thành viên nộp đơn đến toà án nơi đặt trụ sở chính của Công ty yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản của Công ty. Khi đó, Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng thành viên không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình.

24.3. Các thành viên khác có quyền được yêu cầu phá sản theo quy định của Luật phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VI CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 25: Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty

25.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Hội đồng thành viên Công ty thông qua. 25.2. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

25.3. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

Điều 26: Giải quyết tranh chấp

26.1. Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với thành viên của Công ty, giữa các thành viên Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại Toà Kinh tế nơi Công ty đặt trụ sở chính.

26.2. Ban hoà giải gồm 03 chuyên gia pháp lý không phải là thành viên Công ty hoặc người thân thuộc của bất cứ thành viên nào có liên quan đến tranh chấp đó.

Hội đồng thành viên Công ty cử ra các thành viên Ban hoà giải sau khi họ đồng ý bằng văn bản.

Trong vòng 20 ngày, kể từ khi nhận nhiệm vụ, Ban hoà giải phải đưa ra phán quyết về vụ việc tranh chấp, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá hai tháng.

Thù lao thành viên Ban hoà giải do Công ty đài thọ 50% và các bên tranh chấp đài thọ theo theo nguyên tắc phân chia đều nhau phần còn lại.

Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để Ban hoà giải làm việc.

26.3. Phán quyết của Ban hoà giải có hiệu lực bắt buộc đối với các bên tranh chấp. Việc xem xét lại phán quyết của Ban hoà giải tại toà án trong mọi trường hợp đều do bên không tuân theo phán quyết của Ban hoà giải chịu án phí.

Điều 27: Điều khoản cuối cùng

27.1. Bản điều lệ này đã được toàn thể thành viên Công ty xem xét từng chương, từng điều và cùng ký tên chấp thuận.

27.2. Bản điều lệ này gồm 06 chương 27 điều, được lập thành bản có giá trị như nhau: 1 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty, cho mỗi thành viên.

27.3. Mọi sự sao chép, trích lục phải được ký xác nhận của Giám đốc (Tổng giám đốc), hoặc của ít nhất là hai thành viên hợp danh của Công ty.

27.5. Các nội dung khác của Điều lệ do thành viên thỏa thuận nhưng không được trái pháp luật.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được toàn thể thành viên Công ty thông qua.

....., ngày ... tháng ... năm ...

(Chữ ký của tất cả thành viên hợp danh)